

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ – ST  
Ngày: 11/02/2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đức Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

*- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:* Không tham gia phiên tòa

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 460/2021/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 435/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1980. Địa chỉ: số 109, đường LH, phường BK, thành phố LX, AG.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Ngọc L, sinh năm 1980. Địa chỉ: số 109, đường LH, phường BK, thành phố LX, AG.

(Ông N có mặt, bà L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2021, đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 28/10/2021. Tại các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Văn N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Ngọc L tự tìm hiểu nhau được 04 năm và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường MX ngày 27/5/2005. Hôn nhân lần thứ nhất của cả 2. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nguyên nhân do ông, bà không có tiếng nói chung, không thông cảm, chia sẻ lẫn nhau và bà L ngày càng không tôn trọng ông. Bản thân ông nhiều lần nhường nhịn, cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thành và vợ chồng ly thân từ tháng 9/2020. Nhận thấy, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn được ly hôn bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 02 (hai) con chung tên Trần Gia P sinh ngày 22/5/2015, Trần Gia Ph sinh ngày 22/5/2015. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà L tiếp tục nuôi dưỡng các con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi một người con mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về tố tụng:***

[1] Tranh chấp giữa ông Trần Văn N và bà Võ Ngọc L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại số 109, đường LH, phường BK, thành phố LX, AG. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, mặc dù bà L đã nhận trực tiếp các văn bản của Tòa án nhưng tại phiên tòa hôm nay bà tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### ***Về nội dung:***

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn N và bà Võ Ngọc L tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường MX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 81

quyền ngày 27/4/2005, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Ông N cho rằng, quá trình sống chung vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn không có biện pháp khắc phục, ông bà tự ly thân từ tháng 09/2020 đến nay. Phía bà L được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng bà vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của ông N và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, bà L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc bà không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông N và bà L không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông N được ly hôn bà L.

[6] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 69 và số 70 do Ủy ban nhân dân phường MX cấp ngày 27/9/2021 thể hiện giữa ông N và bà L có 02 con chung chưa trưởng thành tên Trần Gia Ph và Trần Gia P sinh cùng ngày 22/5/2015. Xét thấy, các con chung đang được bà L nuôi dưỡng và ông N cũng thống nhất để bà L được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà L được quyền nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc ông N tự nguyện cấp dưỡng 02 con mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) là phù hợp với quy định luật. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông N.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của bà L về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] **Về án phí:** Ông N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Do ông N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000662 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông N còn phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N. Ông Trần Văn N được ly hôn với bà Võ Ngọc L.

- **Về con chung:** Ông N và bà L có 02 (hai) con chung tên Trần Gia Ph sinh ngày 22/5/2015 và Trần Gia P sinh ngày 22/5/2015. Bà L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng, mức cấp dưỡng là 300.000đ/01 người con mỗi tháng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Bà L cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông N được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

**Về án phí:** Ông N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Do ông N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000662 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, ông N còn phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Đức Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)